

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023**  
**của Thanh tra tỉnh Bắc Kạn**

**CHÁNH THANH TRA TỈNH BẮC KẠN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/Tt-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 giữa Thanh tra tỉnh với Sở Tài chính ngày 09/4/2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Thanh tra tỉnh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Thanh tra tỉnh Bắc Kạn (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh văn phòng, trưởng các phòng có liên quan, bộ phận kế toán của Thanh tra tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Gửi bản điện tử:  
- Lãnh đạo TTrT;  
- Như Điều 3 (t/h);  
- Trang Website TTrT;  
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHÁNH THANH TRA**  
**PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Bé Ngọc Huân**

## QUYẾT TOÁN THU – CHI NSNN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **739**/QĐ-TTrT ngày **23/ 4** /2024 của Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| STT      | Nội dung                               | Tổng số<br>liệu báo<br>cáo quyết<br>toán | Tổng số<br>liệu quyết<br>toán được<br>duyet | Chênh<br>lệch |
|----------|----------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------|
| <b>B</b> | <b>Quyết toán chi NSNN</b>             | <b>6.145.090</b>                         | <b>6.145.090</b>                            |               |
| <b>I</b> | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>      | <b>6.145.090</b>                         | <b>6.145.090</b>                            |               |
| <b>1</b> | <b>Chi quản lý hành chính</b>          | <b>6.145.090</b>                         | <b>6.145.090</b>                            |               |
| -        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ       | 5.768.407                                | 5.768.407                                   |               |
| -        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 376.683                                  | 376.683                                     |               |